TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2022/DS-ST
Ngày: 30 - 3 - 2022
V/v tranh chấp hụi, vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Hồng Hà
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Việt Thắng
Ông Huỳnh Văn Năm

- Thư ký phiên toà: Ông Phan Việt Xô là Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 362/2021/TLST-DS ngày 18 tháng 11 năm 2021 về việc "Tranh chấp hụi, vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2022/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Tuyết N1, sinh năm 1959; Cư trú: Ấp 12B, xã K, huyện T, tỉnh C. (Có mặt).

Bị đơn: Ông Cao Văn D, sinh năm 1972 (Vắng mặt);
Bà Trần Thảo S (đã chết).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Trần Thảo S:
- Ông Cao Văn D, sinh năm 1972 (Vắng mặt);
- Anh Cao Trọng N3, sinh năm 1998 (Vắng mặt);
- Chị Cao Ái N2, sinh năm 2003 (Vắng mặt);

Cùng cư trú: Ấp 6, xã K, huyện T, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/10/2021, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện đề ngày 14/3/2022 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết N1 trình bày:

Bà làm chủ hụi, bà Trần Thảo S và ông Cao Văn D có tham gia các dây hụi cụ thể như sau:

- Dây hụi mở ngày 10/5/2018, loại hụi 1.000.000 đồng, gồm 27 phần, mỗi tháng mở hụi 01 lần, bà S và ông D tham gia 01 phần, ngày 10/7/2018 thì hốt hụi.

Dây hụi này đã mãn vào ngày 10/6/2020, bà S và ông D còn nợ 05 lần hụi chết chưa đóng của 01 phần hụi bằng 5.000.000 đồng.

Trong dây hụi này, bà có cho bà S và ông D mượn thêm 01 phần hụi của bà. Bà S và ông D đã hốt phần hụi này. Bà S và ông D còn nợ 26 lần hụi chết chưa đóng của 01 phần hụi bằng 26.000.000 đồng.

- Dây hụi mở ngày 15/12/2018, loại hụi 1.000.000 đồng, gồm 25 phần, mỗi tháng mở hụi 01 lần. Bà S và ông D không tham gia nhưng có mượn của bà 01 phần hụi và đã hốt hụi. Dây hụi này đã mãn vào ngày 15/11/2020, bà S và ông D còn nợ 24 lần hụi chết chưa đóng của 01 phần hụi bằng 24.000.000 đồng.

- Dây hụi mở ngày 15/12/2018, loại hụi 500.000 đồng, gồm 32 phần, mỗi tháng mở hụi 02 lần, bà S và ông D tham gia 01 phần, ngày 29/01/2019 thì hốt hụi. Dây hụi này đã mãn vào ngày 29/3/2020, bà S và ông D còn nợ 03 lần hụi chết chưa đóng của 01 phần hụi bằng 1.500.000 đồng.

Trong dây hụi này, bà có cho bà S và ông D mượn thêm 02 phần hụi của bà. Bà S và ông D đã hốt cả 02 phần hụi. Bà S và ông D còn nợ 31 lần hụi chết chưa đóng của 02 phần hụi bằng 31.000.000 đồng.

- Dây hụi mở ngày 05/10/2019, loại hụi 200.000 đồng, gồm 42 phần, mỗi tuần mở hụi 01 lần, bà S và ông D tham gia 02 phần, đến ngày 05/10/2019 thì hốt hụi. Dây hụi này đã mãn vào ngày 25/6/2020, bà S và ông D còn nợ 22 lần hụi chết chưa đóng của 02 phần hụi bằng 8.800.000 đồng.

Trong dây hụi này, bà có cho bà S và ông D mượn thêm 02 phần hụi của bà. Bà S và ông D đã hốt cả 02 phần hụi. Bà S và ông D còn nợ 41 lần hụi chết chưa đóng của 02 phần hụi bằng 16.400.000 đồng.

- Dây hụi mở ngày 08/9/2019, loại hụi 200.000 đồng, gồm 36 phần, mỗi tuần mở hụi 01 lần, bà S và ông D tham gia 02 phần, ngày 08/9/2019 thì hốt hụi. Dây hụi này đã mãn vào ngày 16/4/2020, bà S và ông D còn nợ 12 lần hụi chết chưa đóng của 02 phần hụi bằng 4.800.000 đồng.

Trong dây hụi này, bà có cho bà S và ông D mượn thêm 04 phần hụi của bà. Bà S và ông D đã hốt cả 04 phần hụi. Bà S và ông D còn nợ 35 lần hụi chết chưa đóng của 04 phần hụi bằng 28.000.000 đồng.

- 02 dây hụi mở ngày 01/6/2019, loại hụi 200.000 đồng, tổng cộng có 80 phần, mỗi tuần mở hụi 01 lần, bà S và ông D tham gia 02 phần, ngày 08/6/2019 thì hốt hụi. Dây hụi này đã mãn vào ngày 09/3/2020, bà S và ông D còn nợ 03 lần hụi chết chưa đóng của 02 phần hụi bằng 1.200.000 đồng.

Trong dây hụi này, bà có cho bà S và ông D mượn thêm 06 phần hụi của bà. Bà S và ông D đã hốt cả 06 phần hụi. Bà S và ông D còn nợ 39 lần hụi chết chưa đóng của 06 phần hụi bằng 46.800.000 đồng.

- Dây hụi mở ngày 01/3/2019, loại hụi 2.000.000 đồng, gồm 24 phần, mỗi tháng mở hụi 01 lần, bà S và ông D tham gia 01 phần, ngày 01/5/2019 thì hốt hụi.

Dây hụi này đã mãn vào ngày 01/01/2021, bà S và ông D còn nợ 12 lần hụi chết chưa đóng của 01 phần hụi bằng 24.000.000 đồng.

- Dây hụi mở ngày 18/7/2019, loại hụi 2.000.000 đồng, gồm 24 phần, mỗi tháng mở hụi 01 lần, bà S và ông D tham gia 01 phần, ngày 18/7/2019 thì hốt hụi. Dây hụi này đã mãn vào ngày 18/5/2021, bà S và ông D còn nợ 16 lần hụi chết chưa đóng của 01 phần hụi bằng 32.000.000 đồng.

- Dây hụi mở ngày 18/7/2019, loại hụi 1.000.000 đồng, gồm 26 phần, mỗi tháng mở hụi 01 lần, bà S và ông D tham gia 01 phần, ngày 18/8/2019 thì hốt hụi. Dây hụi này đã mãn vào ngày 18/7/2021, bà S và ông D còn nợ 17 lần hụi chết chưa đóng của 01 phần hụi bằng 17.000.000 đồng.

- Dây hụi mở ngày 18/7/2019, loại hụi 500.000 đồng, gồm 24 phần, mỗi tháng mở hụi 03 lần, bà S và ông D tham gia 01 phần, ngày 28/10/2020 thì hốt hụi. Dây hụi này đã mãn vào ngày 08/3/2020, bà S và ông D còn nợ 23 lần hụi chết chưa đóng của 01 phần hụi bằng 11.500.000 đồng.

- Dây hụi mở ngày 30/11/2019, loại hụi 1.000.000 đồng, gồm 30 phần, mỗi tháng mở hụi 01 lần, bà S và ông D tham gia 01 phần, ngày 30/11/2019 thì hốt hụi. Dây hụi này đã mãn vào ngày 30/3/2022, bà S và ông D còn nợ 28 lần hụi chết chưa đóng của 01 phần hụi bằng 28.000.000 đồng.

- Dây hụi mở ngày 15/5/2019, loại hụi 500.000 đồng, gồm 30 phần, mỗi tháng mở hụi 02 lần, bà S và ông D tham gia 01 phần, ngày 30/5/2019 thì hốt hụi. Dây hụi này đã mãn vào ngày 30/6/2020, bà S và ông D còn nợ 06 lần hụi chết chưa đóng của 01 phần hụi bằng 3.000.000 đồng.

- Dây hụi mở ngày 19/5/2019, loại hụi 2.000.000 đồng, gồm 30 phần, mỗi tháng mở hụi 01 lần, bà S và ông D tham gia 01 phần, ngày 09/8/2019 thì hốt hụi. Dây hụi này đã mãn vào ngày 19/10/2021, bà S và ông D còn nợ 20 lần hụi chết chưa đóng của 01 phần hụi bằng 40.000.000 đồng.

- Dây hụi mở ngày 05/01/2020, loại hụi 500.000 đồng, gồm 40 phần, mỗi tháng mở hụi 02 lần, bà S và ông D tham gia 01 phần, ngày 05/01/2020 thì hốt hụi. Dây hụi khui được 30 kỳ thì bà ngừng hụi (ngày 20/02/2021). Bà S và ông D còn nợ 39 lần hụi chết chưa đóng của 01 phần hụi bằng 19.500.000 đồng.

Tổng cộng tiền hụi bà S và ông D nợ bà là 368.500.000 đồng.

- Ngoài ra, vào ngày 16/5/2019, bà có đứng ra vay cho bà S và ông D số tiền 100.000.000 đồng.

Tổng cộng tiền hụi, vay bà S và ông D nợ bà là 468.500.000 đồng.

Năm 2021 bà có khởi kiện bà S và ông D tại Tòa án. Khi Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời hòa giải vụ tranh chấp thì bà và bà S, ông D đã thỏa thuận với nhau, theo đó bà sẽ giảm cho bà S và ông D số tiền 18.500.000 đồng, bà S và ông D nợ bà số tiền 450.000.000 đồng, bà S và ông D làm biên nhận nhận nợ số tiền này nên bà rút đơn khởi kiện và Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án.

Do bà S và ông D không thực hiện thỏa thuận trả nợ cho bà nên bà yêu cầu bà S và ông D trả cho bà tổng số tiền 450.000.000 đồng và khoản tiền lãi từ ngày chốt nợ (23/3/2021) đến ngày xét xử sơ thẩm.

Nay bà rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với bà S và ông D. Theo đó, bà yêu cầu bà S và ông D trả cho bà tổng số tiền 450.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi đối với số tiền này.

Đối với bị đơn ông Cao Văn D: Ông D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông D đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết N1.

Đối với bị đơn bà Trần Thảo S: Bà S đã chết, những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà S được xác định như sau: Ông Cao Văn D, sinh năm 1972 (chồng bà S); anh Cao Trọng N3, sinh năm 1998 (con bà S); chị Cao Ái N2, sinh năm 2003 (con bà S).

Đối với anh Cao Trọng N3, chị Cao Ái N2: Anh Trọng N3, chị Ái N2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh Trọng N3, chị Ái N2 đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết N1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Cao Văn D có ý kiến vào Biên bản tống đạt của Tòa án nội dung như sau: "Tôi đồng ý nhận giấy nhưng không tham gia được lý do chuẩn bị cho đám xả tang vợ tôi vào ngày 03/4/2022. Yêu cầu hoãn lại lần sau". Xét thấy, đây là ý kiến của ông D, không phải đơn đề nghị Tòa án hoãn phiên tòa vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên không thuộc trường hợp để xem xét hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật.

Do ông Cao Văn D, anh Cao Trọng N3 và chị Cao Ái N2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà không có mặt tại phiên tòa, nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông D, anh Trọng N3 và chị Ái N2.

[2] Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết N1 về lãi trên số tiền 450.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Nguyên đơn bà N1 rút một phần yêu cầu khởi kiện, theo đó bà N1 chỉ yêu cầu bà S và ông D trả cho bà số tiền 450.000.000 đồng, không tiếp tục yêu cầu tính lãi đối với số tiền này. Do việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện nên được chấp nhận, căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu về lãi của bà N1.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn đòi bị đơn trả nợ hụi và nợ vay tổng số tiền 450.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại Biên nhận đề ngày 23/3/2021 (bút lục 10) ông Cao Văn D và bà Trần Thảo S xác định: "Qua đối chiếu tại Tòa án liên quan vấn đề hụi và tiền hỏi của chị N1. Vẫn đến thỏa thuận tôi cùng vợ có trách nhiệm trả cho chị N1 số tiền 450.000.000 đồng. Vợ tôi trả hàng tháng 2.500.000 đồng. Tôi có trách nhiệm 06 tháng vào tháng cuối cùng trả cho chị N1 15.000.000 đồng. Tổng số tiền trả mỗi năm 60.000.000 đồng cho đến khi hết nợ và kết thúc; chị N1 không còn yêu cầu gì và rút đơn yêu cầu tại Tòa án Trần Văn Thời. Người nhận Cao Văn D và vợ Trần Thảo S".

Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: "Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh".

Do ông D và bà S thừa nhận còn nợ bà N1 tổng số tiền 450.000.000 đồng (nợ hụi và nợ vay) nên bà N1 không phải chứng minh.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà N1, buộc bị đơn ông D và bà S trả cho bà N1 số tiền 450.000.000 đồng. Do bà S đã chết nên ông D và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà S gồm ông D, anh Trọng N3 và chị Ái N2 có nghĩa vụ trả cho bà N1 số tiền này.

[4] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Theo đó, bị đơn phải chịu án phí số tiền 22.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 227, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự; Các Điều 16, 17, 18 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu về lãi trên số tiền 450.000.000 đồng của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết N1, nếu có tranh chấp thì các đương sự có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết N1.

Buộc ông Cao Văn D, anh Cao Trọng N3, chị Cao Ái N2 trả cho bà Nguyễn Thị Tuyết N1 số tiền 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng).

3. Về án phí:

Ông Cao Văn D, anh Cao Trọng N3, chị Cao Ái N2 phải chịu án phí số tiền 22.000.000 đồng (Hai mươi hai triệu đồng), chưa nộp.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết N1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn ông Cao Văn D và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Trần Thảo S là anh Cao Trọng N3, chị Cao Ái N2 có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Lê Thị Hồng Hà